

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/ HNGĐ - ST

Ngày: 15 /5 /2024

“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Brú Thị Nem

2. Ông Nguyễn Tâm Hiếu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bơ nước Rè - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam: Bà ALăng Thị Tơ - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST - HN ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc " *Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị ARát Thị AR, sinh năm: 1989, có mặt.

Nơi thường trú: thôn K, xã D, huyện TG, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh ALăng B, sinh năm: 1992, vắng mặt không có lý do.

Nơi thường trú: thôn K, xã D, huyện TG, tỉnh Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện TG, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ thôn Ađ, xã D, huyện TG, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bnước Ab - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã D, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/12/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị ARát Thị AR trình bày:*

Chị ARát Thị AR và anh ALăng B trải qua một thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện TG, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh ALăng B ngoại tình với người con gái khác, chị AR và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh B không nghe mà anh bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay thì thoảng anh mới về nhà thăm gia đình, vợ chồng chị đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm của vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị AR và anh B. Với lý do để đủ tuổi đăng ký kết hôn, anh ALăng B đã khai tăng tuổi của anh sinh năm 1992 lên sinh năm 1990 để được cấp giấy đăng ký kết hôn. Theo xác nhận thông tin về nơi cư trú, sổ hộ khẩu chi cung cấp thì anh ALăng B sinh ngày 05/7/1992 tại thời điểm kết hôn ngày 31/8/2010 anh B chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về con chung: Chị ARát Thị AR và anh ALăng B có 02 người con chung tên là ALăng Chí V, sinh ngày 25/02/2011 và ALăng Hải Q, sinh ngày 25/5/2016. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cháu Chí V và Hải Q đến tuổi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị ARát Thị AR không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ngoài yêu cầu trên, chị ARát Thị AR không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn: anh ALăng B vắng mặt không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D, huyện TG ông Bnướcch Ab trình bày:

Ngày 31/10/2010 UBND xã D, huyện TG đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh ALăng B, sinh ngày 05/7/1992 và chị ARát Thị AR, sinh ngày 01/01/1989, để đủ tuổi đăng ký kết hôn anh B đã khai với Tư pháp xã D anh sinh ngày 11/6/1990 tăng so với tuổi thực gần 02 tuổi, căn cứ xác nhận nơi cư trú và hồ sơ tại Công an xã D cung cấp, anh ALăng B sinh ngày 05/7/1992, vậy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09/2010 ngày 31/8/2010 của UBND xã D là trái pháp luật vì khi đăng ký kết hôn anh ALăng B mới có 18 tuổi 01 tháng 26 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị ARát Thị AR yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh ALăng B và chị ARát Thị AR.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị

đơn anh ALăng B không đến Tòa án và không hợp tác để Tòa án giải quyết vụ án cũng như không có mặt tại phiên tòa hôm nay là do anh ALăng B tự khước từ quyền lợi và được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh ALăng B và chị ARát Thị AR.

Về con chung: Vợ chồng anh ALăng B và chị ARát Thị AR có hai con chung chấp nhận theo nguyện vọng của chị AR xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cháu Chí V và Hải Q đến tuổi trưởng thành. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị AR không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do chị ARát Thị AR cung cấp và trong quá trình giải quyết, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh ALăng B có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Tây Giang nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tây Giang xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ.

[2] Về hôn nhân: Xét đơn khởi kiện về việc hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn, thấy rằng chị ARát Thị AR có đăng ký kết hôn với anh ALăng B vào ngày 31/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, tại sổ đăng ký kết hôn số 09 ngày 31/8/2010. Theo sổ đăng ký kết hôn thì xác định họ tên

chồng là ALăng B, sinh ngày 11/6/1990, họ tên vợ là ARát Thị AR sinh ngày 01/01/1989. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho tòa án như xác nhận thông tin về cư trú và các tài liệu tòa án thu thập thì xác định anh ALăng B, sinh ngày 05/7/1992. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh B mới 18 tuổi 01 tháng 26 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thường xuyên mẫu thuẫn dẫn tới vợ chồng sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết vụ án sau khi xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tây Giang tòa án thấy rằng việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị ARát Thị AR và anh ALăng B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị ARát Thị AR và anh ALăng B theo số đăng ký kết hôn số 09 ngày 31/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị ARát Thị AR và anh ALăng B có 02 con chung là ALăng Chí V, sinh ngày 25/02/2011 và ALăng Hải Q, sinh ngày 25/5/2016.

Tại đơn trình ngày 17/01/2024 của trẻ ALăng Hải Q và Biên bản ghi ý kiến ngày 10/02/2024 của trẻ ALăng Chí V, thể hiện cháu Hải Q, cháu Chí V có nguyện vọng mong muốn được sống với mẹ. Xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy cháu Hải Q và cháu Chí V sống cùng với chị ARát Thị AR và bà nội ALăng Thị T tại thôn K, xã D, huyện Tây Giang các cháu được chăm sóc, giáo dục và học tập tốt. Sau ly hôn, chị ARát Thị AR có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cháu Chí V, cháu Hải Q và không yêu cầu anh ALăng B chu cấp tiền nuôi con chung.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung là trẻ ALăng Chí V, sinh ngày 25/02/2011 và ALăng Hải Q, sinh ngày 25/5/2016 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị ARát Thị AR không yêu cầu anh ALăng B cấp dưỡng, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, chị AR không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị AR, anh B là đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân thuộc hộ nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị ARát Thị AR và anh ALăng B.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 10; Điều 11; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị ARát Thị AR.

1.1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị ARát Thị AR và anh ALăng B theo sổ đăng ký kết hôn số 09 ngày 31/8/2010, tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung cháu ALăng Chí V, sinh ngày 25/02/2011 và ALăng Hải Q, sinh ngày 25/5/2016 cho chị ARát Thị AR trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục sau khi ly hôn.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị ARát Thị AR không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với chị ARát Thị AR và anh ALăng B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/5/2024), Bị đơn, Ủy ban nhân dân xã Dang, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tây Giang;
- Chi cục THADS huyện Tây Giang;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hân

